

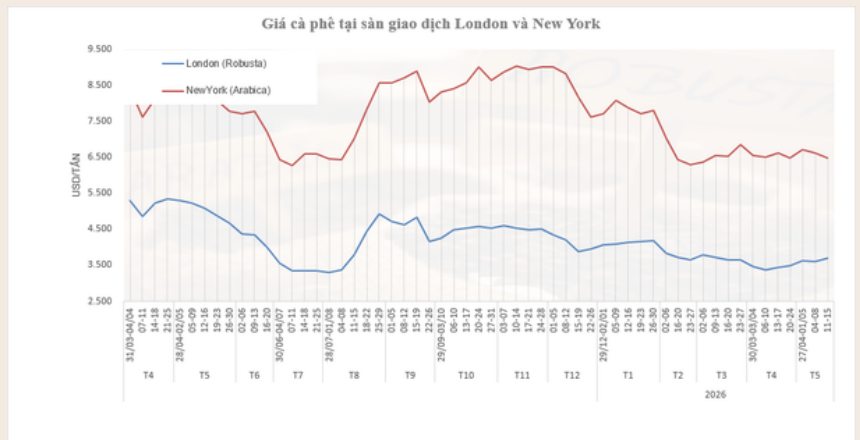
# NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

## ĐIỂM TIN

- Giá cà phê giảm trên sàn giao dịch New York và tăng trên sàn London trong tuần từ 11/05/2025 - 15/05/2026.
- Tồn kho cà phê Arabica trên sàn New York ở mức thấp, đạt 483.292 bao.
- Theo USDA, sản lượng cà phê Guatemala niên vụ 2026/2027 đạt 3,26 triệu bao.
- Theo USDA, sản lượng cà phê El Salvador niên vụ 2026/2027 dự báo giảm xuống còn 542.000 bao.
- Theo Cecafo, xuất khẩu cà phê Brazil tháng 4/2026 đạt 3,122 triệu bao.

## THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



# THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

## GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 11/05/2026 đến 15/05/2026, giá cà phê thế giới biến động trên hai sàn giao dịch New York và London. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 05/2026 tại thị trường London bình quân đạt 3.712 USD/tấn, tăng 2,8% so với tuần trước và giảm 29,3% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.762 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.664 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2026 bình quân đạt 6.498 USD/tấn, giảm 1,9% so với tuần trước, và giảm 23,9% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 6.538 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 6.387 USD/tấn.[1]

## THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ CHỊU ÁP LỰC NGUỒN CUNG VÀ LOGISTICS

Thị trường cà phê thế giới tiếp tục chịu tác động đồng thời từ lượng tồn kho thấp và biến động logistics quốc tế. Trên thị trường kỳ hạn New York, hiện tượng đảo chiều giá (giá kì hạn gần cao hơn kì hạn xa) vẫn duy trì, dù có dấu hiệu hạ nhiệt khi chênh lệch giữa các kỳ hạn gần thu hẹp. Nguyên nhân chủ yếu là nguồn cà phê Arabica từ khu vực Trung Mỹ và các quốc gia sản xuất chưa xuất khẩu tới các thị trường tiêu dùng. Phần lớn lượng hàng hiện tại được phân bổ trực tiếp cho các nhà rang xay thay vì bổ sung vào tồn kho thương mại.[2]

Kỳ vọng thị trường trong nửa cuối năm 2026 phụ thuộc đáng kể vào vụ mùa Arabica của Brazil. Tồn kho

Arabica trên sàn New York vẫn ở mức thấp, chỉ đạt 483.292 bao, giảm 42,77% so với cùng kỳ năm trước và giảm 64,91% so với cùng kỳ 10 năm trước.[2]

Bên cạnh yếu tố cung cầu, thì các vấn đề về logistics như phí cao, gián đoạn trong lịch tàu, thuyền, thay đổi tuyến vận chuyển để tránh khu vực xung đột, v.v. cũng tiếp tục gây cản trở chuỗi cung ứng. Tuy nhiên, ngành cà phê toàn cầu đã cho thấy khả năng thích ứng cao sau nhiều năm biến động. Nếu dòng hàng vật chất cải thiện, tồn kho tại các nước tiêu dùng được bổ sung và rủi ro địa chính trị không leo thang, thị trường có thể dần chuyển về cấu trúc ổn định hơn trong trung hạn.[2]



## GUATEMALA

Theo báo cáo thường niên của USDA, tổng sản lượng cà phê nhân xanh của Guatemala niên vụ 2026/2027 có thể đạt 3,26 triệu bao, tăng 3,3% so với niên vụ 2025/2026. Diện tích thu hoạch dự kiến tăng 2%, lên 345.000 ha, trong khi số lượng cây cà phê tăng từ 1,628 tỷ lên 1,662 tỷ cây. Arabica tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, chiếm khoảng 98% diện tích trồng và 96% tổng sản lượng, trong khi sản lượng Robusta được dự báo đạt khoảng 130.000 bao. Năng suất bình quân dự kiến đạt 9,45 bao/ha.[3]

Xuất khẩu cà phê Guatemala niên vụ 2026/2027 dự kiến đạt 3,2 triệu bao, tăng 7,4%, trong đó Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất, chiếm 42% lượng xuất khẩu. Giá xuất khẩu cà phê của Guatemala trong niên vụ 2024/25 đạt bình quân trên 300 USD/bao, góp phần đưa tổng kim ngạch xuất khẩu lên 1,284 tỷ USD. [3]

Tiêu thụ cà phê nội địa của Guatemala niên vụ 2026/2027 dự báo đạt 900.000 bao, tăng 2,9%; trong đó cà phê hòa tan chiếm chủ yếu với 600.000 bao, còn cà phê rang xay đạt 300.000 bao. Tồn kho cuối kỳ dự kiến tăng lên mức 16.000 bao.[3]

## EL SALVADOR

Theo USDA, sản lượng cà phê của El Salvador niên vụ 2026/2027 được dự báo giảm xuống còn 542.000 bao, tương đương giảm 7,5%, chủ yếu do tác động của hiện tượng El Niño cùng với các khó khăn mang tính cơ cấu của ngành. Diện tích cà phê thu hoạch của quốc gia này dự kiến giữ ổn định ở mức 118.000 ha, song khả năng phục hồi sản xuất còn hạn chế do rủi ro khí hậu, thiếu nguồn vốn, lợi nhuận thấp và tiến độ tái canh chậm.[4]

Xuất khẩu cà phê của El Salvador được dự báo tăng từ 535.000 bao trong niên vụ 2025/2026 lên 543.000 bao trong niên vụ 2026/2027. Cà phê nhân xanh tiếp tục chiếm phần lớn cơ cấu xuất khẩu, ước đạt 505.000 bao; trong khi cà phê hòa tan đạt khoảng 25.000 bao và cà phê rang đạt 13.000 bao. Hoa Kỳ là thị trường tiêu thụ lớn nhất của cà phê El Salvador, chiếm khoảng một nửa tổng lượng xuất khẩu trong niên vụ 2025/2026. Tiếp theo là Bỉ với tỷ trọng khoảng 11%, sau đó đến Canada, Italy, Đức, Nhật Bản, Saudi Arabia và Anh. Tồn kho cuối kỳ niên vụ 2026/2027 được dự báo giảm xuống còn 79.000 bao.[4]

## BRAZIL

Theo Hội đồng Các nhà Xuất khẩu Cà phê Brazil (Cecafé), xuất khẩu cà phê của Brazil trong tháng 4/2026 đạt 3,122 triệu bao, tăng nhẹ 0,6% so với cùng kỳ năm 2025. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu lại giảm 17,7%, xuống còn 1,109 tỷ USD, chủ yếu do giá cà phê quốc tế thấp hơn so với năm trước. Tính trong 10 tháng đầu niên vụ 2025/26, Brazil xuất khẩu 32,247 triệu bao, giảm 19,4% về lượng, nhưng kim ngạch vẫn tăng 0,8%, đạt 12,551 tỷ USD.[5]

Riêng giai đoạn tháng 1/2026-4/2026, xuất khẩu cà phê Brazil đạt 11,619 triệu bao, giảm 16,1%, với kim ngạch 4,49 tỷ USD, giảm 14,4% so với cùng kỳ. Đức tiếp tục là thị trường tiêu thụ lớn nhất của cà phê Brazil, tiếp theo là Hoa Kỳ, Italy, Bỉ và Nhật Bản.[5]

Về cơ cấu sản phẩm, Arabica vẫn chiếm tỷ trọng chủ đạo, đạt 8,984 triệu bao, tương đương 77,3% tổng lượng xuất khẩu, giảm 23,4% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu cà phê hòa tan đạt 1,338 triệu bao, tăng 4,1% so với cùng kỳ, chiếm 11,5% tổng lượng xuất khẩu. Xuất khẩu Robusta đạt 1,284 triệu bao, tăng 58,8% và chiếm 11% tổng xuất khẩu.[5]

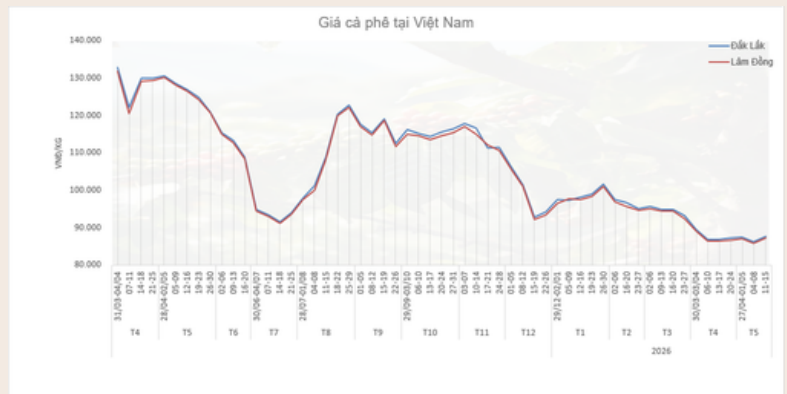
## BLACK ROCK COFFEE BAR TĂNG TRƯỞNG DOANH THU

Chuỗi cà phê Black Rock Coffee Bar tại Hoa Kỳ ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực trong Quý I/2026, với doanh thu và lợi nhuận cùng tăng mạnh, cho thấy hiệu quả của chiến lược mở rộng hệ thống và cải thiện vận hành. Doanh thu của chuỗi cà phê “drive-thru” (mô hình khách hàng gọi món và được phục vụ ngay trên xe) này đạt 55,5 triệu USD, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm 2025. Mức tăng trưởng trên chủ yếu đến từ việc mở thêm cửa hàng mới và doanh số tại các cửa hàng hiện hữu tăng 5,2%; nếu tính trong hai năm, mức tăng đạt 14,4%. Đáng chú ý, công ty đạt lợi nhuận ròng 1,8 triệu USD, đảo chiều rõ rệt so với khoản lỗ ròng 0,9 triệu USD trong Quý I năm trước. Theo lãnh đạo doanh nghiệp, kết quả này được hỗ trợ bởi ba định hướng chiến lược gồm tăng cường gắn kết khách hàng, củng cố văn hóa doanh nghiệp lấy con người làm trung tâm và mở rộng hoạt động tiếp thị. Trong năm 2026, Black Rock Coffee Bar dự kiến mở tổng cộng 36 cửa hàng mới, phản ánh niềm tin vào triển vọng tăng trưởng bền vững [6]

## ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng Đắc Lắc tăng so với tuần trước.
- Theo Cục Hải quan Việt Nam, tháng 4/2026, xuất khẩu cà phê đạt 190 nghìn tấn, trị giá 823 triệu USD, tăng 9,2% về lượng nhưng giảm 17,9% về giá trị so cùng kỳ năm 2025.
- Theo VICOFSA, giá cà phê trong nước có thể ở mức 80.000 VNĐ/kg cho đến giữa năm và có thể giảm vào những tháng tiếp theo.
- Sơn La phấn đấu đạt 25.000 ha cà phê, trong đó 18.000 ha đạt tiêu chuẩn bền vững và khoảng 20–25% sản lượng được chế biến sâu vào năm 2030.

## THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



NGUỒN: CTV AGREINFOS

## GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 11/05/2026 đến ngày 15/05/2026, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 87.833 VNĐ/kg, tăng 1,8% so với tuần trước, và giảm 31,7% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 88.833 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 86.933 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 87.300 VNĐ/kg, tăng 1,7% so với tuần trước, và giảm 31,9% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 88.300 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 86.300 VNĐ/kg. [1]

## XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM 4 THÁNG NĂM 2026

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2026 ghi nhận diễn biến trái chiều khi lượng xuất khẩu tăng nhưng kim ngạch giảm do giá bình quân thấp hơn cùng kỳ năm trước. Theo Cục Hải quan Việt Nam, tháng 4/2026, xuất khẩu cà phê đạt gần 190 nghìn tấn, trị giá gần 823 triệu USD, tăng 9,2% về lượng nhưng giảm 17,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2025.[2]

Tính chung 4 tháng, Việt Nam xuất khẩu 782 nghìn tấn cà phê, đạt 3,58 tỷ USD, tăng 11,7% về lượng nhưng giảm 9,8% về kim ngạch. Giá xuất khẩu bình quân đạt 4.575 USD/tấn, giảm 19,4%, phản ánh tác động của xu hướng điều chỉnh giá cà phê thế giới và nhu cầu nhập khẩu chậm lại tại một số thị trường lớn.[2]

Về thị trường, EU vẫn là khu vực tiêu thụ chủ lực, đặc biệt tại Đức, Italia và Bỉ; trong khi xuất khẩu sang Trung Quốc và Hoa Kỳ tiếp tục tăng. Trong bối cảnh giá cà phê nhân giảm, phát triển cà phê chế biến sâu, cà phê chất lượng cao và sản phẩm có chứng chỉ bền vững là hướng đi cần thiết để duy trì giá trị xuất khẩu.[2]

## TRIỂN VỌNG GIÁ CÀ PHÊ VIỆT NAM

Giá cà phê Việt Nam trong những tháng đầu năm 2026 có xu hướng giảm rõ rệt, tác động trực tiếp đến kim ngạch xuất khẩu dù khối lượng xuất khẩu vẫn tăng. Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, tháng 4/2026, xuất khẩu cà phê đạt 189.894 tấn, trị giá 822,5 triệu USD, tăng 9,2% về lượng nhưng giảm 17,9% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chính là giá xuất khẩu bình quân giảm 19%, xuống còn 4.575 USD/tấn; riêng tháng 4/2026 chỉ đạt 4.332 USD/tấn, giảm 25% so với cùng kỳ. Theo Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam (VICOFA), giá cà phê trong nước cũng giảm mạnh khi Robusta từ mức 102.000 VNĐ/kg xuống khoảng 85.500–89.200 VNĐ/kg, còn Arabica giảm còn 124.000–129.500 VNĐ/kg. Xu hướng giảm giá chủ yếu do nguồn cung cà phê thế giới niên vụ 2025/26 được dự báo tăng lên mức kỷ lục, trong khi tiêu thụ không tăng tương ứng. VICOFA dự báo: “Giá trong nước có thể ở mức 80.000 VNĐ/kg cho đến giữa năm và có thể giảm vào những tháng tiếp theo”. [3]

## VIỆT NAM HỢP TÁC PHÁT TRIỂN CÀ PHÊ TẠI CUBA

Việc ứng dụng giống cà phê Robusta có nguồn gốc từ Việt Nam tại Cuba đang cho thấy hiệu quả rõ rệt trong chiến lược phục hồi ngành cà phê của quốc gia này. Tại tỉnh Sancti Spiritus, đặc biệt ở khu vực Fomento, diện tích trồng mới robusta Việt Nam đã đạt khoảng 24 ha trong giai đoạn 2022–2024 và dự kiến tiếp tục mở rộng. Các giống cà phê này được đánh giá có khả năng thích nghi tốt với điều kiện khí hậu và địa hình miền núi, sở hữu đặc tính sinh trưởng khỏe, năng suất cao và chất lượng quả ổn định.

Theo các chuyên gia Cuba, việc kết hợp giống Robusta Việt Nam với các biện pháp cải tạo đất và kỹ thuật canh tác phù hợp đã góp phần nâng năng suất cà phê từ khoảng 250 kg/ha lên gần 2 tấn/ha tại một số mô hình sản xuất, tương đương mức tăng khoảng 8 lần. Bên cạnh chuyển giao giống, Việt Nam còn hỗ trợ Cuba thông qua đào tạo kỹ thuật, xây dựng mô hình canh tác bền vững và phát triển nguồn nhân lực địa phương.

## SƠN LA THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN CÀ PHÊ XANH

Sơn La đang thúc đẩy phát triển cà phê theo hướng nông nghiệp xanh, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trên cơ sở lợi thế là vùng sản xuất Arabica lớn của cả nước, tỉnh đặt mục tiêu đến năm 2030, Sơn La phấn đấu có 25.000 ha cà phê, trong đó 18.000 ha đạt tiêu chuẩn bền vững và khoảng 20–25% sản lượng được chế biến sâu. Các mô hình canh tác mới đang tập trung giảm sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, tăng sử dụng phân hữu cơ, chế phẩm sinh học, và tưới tiết kiệm. Đến nay, diện tích cà phê đạt các chứng nhận RA, 4C, VietGAP và hữu cơ của tỉnh Sơn La đạt hơn 19.000 ha. Doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân tăng cường liên kết vùng nguyên liệu, tái sử dụng phụ phẩm để sản xuất phân bón hữu cơ. Trong bối cảnh yêu cầu thị trường xuất khẩu ngày càng cao, sản xuất cà phê xanh là hướng đi quan trọng để gia tăng giá trị, và tăng thu nhập bền vững cho người dân.[5]

## GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
<b>LÂM ĐỒNG</b>	<b>86.300</b>	<b>87.500</b>	<b>87.300</b>	<b>88.300</b>	<b>87.100</b>	<b>87.300</b>	<b>1.500</b>
Di Linh	86.300	87.500	87.300	88.300	87.100	87.300	1.500
Lâm Hà	86.300	87.500	87.300	88.300	87.100	87.300	1.500
Bảo Lộc	86.300	87.500	87.300	88.300	87.100	87.300	1.500
<b>ĐẮK LẮK</b>	<b>86.933</b>	<b>87.933</b>	<b>87.833</b>	<b>88.833</b>	<b>87.633</b>	<b>87.833</b>	<b>1.560</b>
Cư M'gar	87.000	88.000	87.900	88.900	87.700	87.900	1.560
Ea H'leo	86.900	87.900	87.800	88.800	87.600	87.800	1.560
Buôn Hồ	86.900	87.900	87.800	88.800	87.600	87.800	1.560
<b>GIA LAI</b>	<b>86.933</b>	<b>87.933</b>	<b>87.833</b>	<b>88.833</b>	<b>87.633</b>	<b>87.833</b>	<b>1.593</b>
Chư Prông	87.000	88.000	87.900	88.900	87.700	87.900	1.660
Pleiku	86.900	87.900	87.800	88.800	87.600	87.800	1.560
La Grai	86.900	87.900	87.800	88.800	87.600	87.800	1.560
<b>Quảng Ngãi</b>	<b>86.900</b>	<b>87.900</b>	<b>87.800</b>	<b>88.800</b>	<b>87.600</b>	<b>87.800</b>	<b>1.560</b>
Kon Tum	86.900	87.900	87.800	88.800	87.600	87.800	1.560

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>  
[2]: <https://www.iandmsmith.com>  
[3]: <https://dailycoffeenews.com>  
[4]: <https://dailycoffeenews.com>  
[5]: <https://www.cecafe.com.br>  
[6]: <https://www.gcrmag.com>

## THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos  
[2]: <https://nongnghiepmoitruong.vn>  
[3]: <https://doanhnghiepkinhdoanh.doanhnhanvn.vn>  
[4]: <https://cafef.vn>  
[5]: <https://vneconomy.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho  
một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 16. Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: [info@agro.gov.vn](mailto:info@agro.gov.vn); Website: [www.agro.gov.vn](http://www.agro.gov.vn)